TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **37**/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 31 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Văn Hùng E, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A đường T, tổ C, khu phố D, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A đường T, tổ C, khu phố D, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 16/01/2020 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố T, ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Evà bà Thêm yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T thống nhất giao con chung tên Võ Phương C, sinh ngày 01/12/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Văn Hùng E tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Võ Phương C, sinh ngày 01/12/2015 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2020 đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thỏa thuận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2015 ngày 26/1/02015 do Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T)

- Về con chung: Ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T thống nhất giao con chung tên Võ Phương C, sinh ngày 01/12/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Văn Hùng E tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Võ Phương C, sinh ngày 01/12/2015 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2020 đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Văn Hùng E chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông E còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Võ Văn Hùng E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Ông Võ Văn Hùng E và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016-0041378 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một;
- UBND phường HT;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung